

TƯ LIỆU

NGHIÊN CỨU VIỆT NAM CỦA PHÁP: MỘT GÓC NHÌN TỪ TƯ LIỆU HÁN NÔM

Việt Anh*

Từ giác độ nghiên cứu cổ học Việt Nam ở ngoài nước, trong đó bao gồm nghiên cứu Hán Nôm, các ấn phẩm là chuyên san, tạp chí khảo cứu do người Pháp thực hiện có một giá trị đáng kể trong lịch sử nghiên cứu của người Pháp ở hải ngoại. Thực tế, kể từ khi người Pháp đặt chân ngày một vững chãi lên vùng đất Đông Dương vào nửa sau thế kỷ XIX, đã có nhiều *revues* [tạp chí], *bulletins* (tập san) ra đời và hoạt động. Tuy nhiên, trong số ấy, không phải tất cả đều được coi là ấn phẩm chuyên môn khảo cứu.

Chuyên san khảo cứu - một khởi nguồn nghiên cứu Việt Nam của Pháp: *BSEI* và tiền thân của mình (1865-1975)

Được đo độ tuổi tới 110 năm hình thành và phát triển, *Bulletin de la Société d'Etudes Indochinoises (BSEI)* - Tạp san của Hiệp hội Khảo cứu Đông Dương - được học giới đánh giá là tạp chí lâu đời nhất của Pháp chuyên khảo về xứ sở Á Đông. Thực tế, có nhiều chặng chuyển mình của tập san này trong lịch sử 110 năm ấy.



Hai ấn bản tiền thân của *BSEI*

Tiền thân của *BSEI* là *Bulletin du Comité Agricole et Industriel de la Cochinchine* [Tạp san của Ủy ban Canh nông và Kỹ nghệ Nam Kỳ] (*BCAIC*) ra đời từ năm 1865 và hoạt động đến năm 1882. Theo *BCAIC* số 1 (1865), Ủy ban chủ quản của tạp san được thành lập ngày 16 tháng 6 năm 1865 với Chủ tịch là De Fauque De Jonquières (đương chức Tổng Tham mưu trưởng quân đội Pháp) cùng một vị thư ký và hai tiểu ban: Nông nghiệp, Công nghiệp; mỗi tiểu ban có 6 thành viên đảm nhiệm. Một số nhân vật chính trị và văn hóa người Pháp và người Việt khá quen thuộc trong lịch sử Đại Nam thời Nguyễn là thành viên của Ủy ban này, như Philastre, Francis Garnier, Rheinart, Legrand de la Liraye... và Trương Vĩnh Ký. *BCAIC* hoạt động với chủ trương đăng tải các văn kiện chính thức của Ủy ban cùng những tư liệu được Ủy ban cho phép xuất bản.

* Viện Nghiên cứu Hán Nôm Việt Nam. Phiên bản này của bài viết đã được Giáo sư Nguyễn Thế Anh (Pháp) tận tình chỉ dẫn để bổ sung nhiều tư liệu thích đáng. Người viết xin trân trọng ghi ơn.

Nội dung được đăng tải trên tập san đương nhiên tập trung vào hai lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp ở xứ Nam Kỳ, trong đó bao gồm nhiều khảo cứu đa dạng và khái quát.

Tuy nhiên, tới năm 1883, Hội đồng Quản hạt (Nam Kỳ) đã cắt bỏ nguồn tài trợ cho Ủy ban. Nhiều biện pháp đã được tổ chức hữu quan tìm kiếm để chuyển đổi Ủy ban này thành hiệp hội tự do. Theo đó, *Société d'Etudes Indochinoises de Saigon* [Hiệp hội Khảo cứu Đông Dương của Sài Gòn] được thành lập ngày 25 tháng 2 năm 1883, cơ quan phát ngôn của Hội là tờ *BSEI de Saigon*. Dựa vào những ấn bản tập san còn lại đến nay, có thể biết được cho tới năm 1923, tên của tập san vẫn là *BSEI de Saigon*. Chưa thể khảo cứu được số tập san năm 1924 và năm 1925, chỉ biết đến số năm 1926, tập san đã dứt khoát đổi tên thành *BSEI* với phụ chú *nouvelle serie* [bản mới]. *BSEI* đã đi một chặng dài khảo cứu đa ngành (khảo cổ học, ngữ ngôn học, sử học, địa lý học, nhân học, chính trị học) trên phạm vi mở rộng của bán đảo Đông Dương (bao gồm Việt Nam, Cambodge, Laos, Thailand, Birmanie [Miến Điện] và Nam Vân Nam).

Trong lịch sử 110 năm gồm cả *BCAIC* và *BSEI*, tập san đã xuất bản cả thảy 249 tập gồm 21 tập *BCAIC*, 70 tập *BSEI de Saigon* (phiên bản cũ) và 158 tập *BSEI* phiên bản mới. Đó là chưa tính những xuất bản phẩm của Hiệp hội Khảo cứu Đông Dương gồm nhiều chuyên khảo về các tỉnh của xứ ấy.

Tập san ngừng hoạt động khi biến cố 1975 xảy ra tại Sài Gòn.

Liên quan tới thành tựu khảo cứu, *BSEI* khi mới được thành lập năm 1883 đã xuất bản trong chuyên san quý đầu tiên những biên bản và những công trình khác không được công bố của “người tiền nhiệm” - Ủy ban Canh nông và Kỹ nghệ. Trong những số tập san hàng quý tiếp theo, *BSEI* là một địa chỉ tin cậy để kế thừa, phát triển nhiều thư mục bằng các ngôn ngữ châu Âu về xứ sở nước Nam, với cụm từ bất biến *bibliographie annamite* trong tên gọi của các phiên bản thư mục này. Ví dụ điển hình là những phiên bản *thư mục An Nam* được xuất bản tại Pháp:

- Năm 1862: *Bibliographie Annamite* gồm 07 trang của De Bellecombe - thành viên của Hiệp hội Á châu và Hiệp hội Dân tộc học - được ấn hành bởi nhà sách Armand Chevalier tại Paris. Đây là ấn phẩm đầu tiên tập hợp được tên nhiều trước tác có niên đại thế kỷ XVI và XVII (đặc biệt là các tác phẩm liên quan tới du ký) và những trước tác mới ấn hành khi ấy của nhiều nhà du ký châu Âu tới nước Nam.

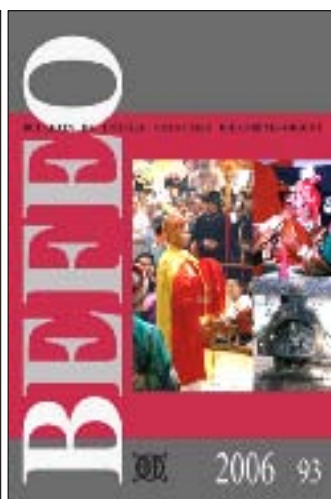
- Năm 1866: *Bibliographie Annamite. Livres, Recueils périodiques, Manuscrits, Plans* của Barbié du Bocage được công bố trên *Revue Maritime et Coloniale* tháng 2, tháng 5, tháng 8 năm 1866. Soạn giả đã sưu tập được 470 tư liệu đề cập hoặc liên quan tới Việt Nam bằng các ngôn ngữ Pháp, Anh, Đức, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Ý Đại Lợi.

- Năm 1878: *Bibliographie Annamite. Livres, Recueils Périodiques, Manuscrits, Plans parus depuis 1866* do Aymonier, Schroeder và Petrus-Ký thực hiện, đăng tải trên *BCAIC* série 3, số 2 năm 1879, tr. 247-317.

Khởi đầu từ những thư mục tư liệu nước Nam bằng ngôn ngữ phương Tây, tới năm 1904, một khảo cứu đầu tiên về nguồn tư liệu gốc của nước Nam do Linh mục Cadière và Pelliot thực hiện đã được đăng tải trên *BEFEO* kỳ IV,

tr. 617-671. Với tên gọi *Première étude sur les sources annamites de l'histoire d'Annam* [Khảo cứu bước đầu về tư liệu gốc của sử nước Nam], những nghiên cứu về lịch sử nước Nam qua tư liệu Hán Nôm và danh mục có phê bình 175 tư liệu Hán Nôm lần đầu tiên được người Pháp công bố. Tiếp đó, cần kể tới *Bibliographie Annamite* do nhà thư mục học người Pháp là Emile Gaspardone công bố trên *BEFEO* tập 34 (1934).⁽¹⁾ Trong đó, theo quan niệm của soạn giả, thư mục 154 tư liệu Hán Nôm Việt Nam này bao gồm 26 đơn vị thuộc nội dung triều chính, 13 đơn vị thuộc nội dung lịch sử, 87 đơn vị thuộc nội dung văn học, 28 đơn vị thuộc nội dung truyền thuyết, Nho học, Phật học và tạp lục.

BEFEO: Bước kế thừa thành tựu thâm nhập văn hóa Việt Nam



Hai ấn bản *Bulletin de l'École Française d'Extrême-Orient* năm 1916 và 2006.

Được thành lập năm 1898 tại Sài Gòn dưới danh nghĩa gốc của Phái bộ Khảo cổ Đông Dương và chính thức hiện diện tại Việt Nam năm 1900 với danh nghĩa độc lập, chọn nơi định cư tại Hà Nội (thuộc Bắc Kỳ đương thời) năm 1902, École française d'Extrême-Orient (Học viện Viễn Đông Bác cổ, viết tắt EFEO) là địa chỉ đầu tiên và luôn luôn được coi là trung tâm nghiên cứu khoa học hàng đầu của Pháp về các quốc gia trên bán đảo Đông Dương, trong đó có Việt Nam. Kết quả khảo cứu của

EFEO về các phần lãnh thổ nguyên là thuộc địa miền Viễn Đông của Pháp là ấn phẩm khoa học bằng Pháp văn mang tên *Bulletin de l'École Française d'Extrême-Orient* (Tập san Viện Viễn Đông Bác cổ, viết tắt *BEFEO*) ra mắt lần đầu tiên năm 1901 và hoạt động cho đến nay. Trong khoảng thời gian 1901-2006, tập san đã xuất bản 109 số gồm 3.556 bài nghiên cứu về nhiều phương diện văn hóa bản địa. Bài đầu tiên hoàn toàn sử dụng tư liệu Hán Nôm làm cơ sở nghiên cứu là công trình được đăng tải nhiều kỳ mà người thực hiện chính là Raymond Deloustal, viên chức Sở Tư pháp Đông Dương, sau là thành viên của EFEO. Đó là bài *La justice dans l'Ancien Annam* [Nền tư pháp ở An Nam xưa] gồm bản dịch và bình luận phần *Lê triều hình luật* - một diện mạo của luật Hồng Đức - đã được Phan Huy Chú đưa vào bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* (thế kỷ XIX). Kỳ thứ nhất của khảo cứu này được ra mắt giới chuyên môn trong số 1-2 của tập 8 (năm 1908) và các kỳ tiếp theo vào năm 1909, 1910, 1911, 1912, 1913 trên *BEFEO*. Cùng chủ đề pháp luật Việt Nam thời quân chủ, một bài khác của cùng tác giả nói trên mang tên *La justice dans l'Ancien. Code de procédure* dịch và bình luận phần *Khám tụng điều lệ* được công bố trong số 4 của tập 19 (năm 1919).

Cùng trong thập niên đầu tiên hoạt động tại Hà Nội, liên quan đến tư liệu Hán Nôm, trên *BEFEO* số 5 của tập 14 (năm 1914) có bài *Deux oraisons*

funèbres en annamite [Hai bài điếu văn bằng tiếng nước Nam] do Phạm Quỳnh công bố và chuyển dịch sang Pháp ngữ, với sự cộng tác của một nhà Nho tên Chuẩn làm việc tại Thư viện EFEO. Đây là những bản dịch Pháp văn hai lời ai điếu Nôm, một là *Văn tế tướng sĩ trận vong* do Tổng trấn Bắc thành Nguyễn Văn Thành đọc trong lễ tưởng niệm ở Hà Nội dành cho binh sĩ bỏ mình trong quá trình lập nghiệp của Hoàng đế Gia Long, một là *Văn tế Phò mã Chuồng Hậu quân Võ Tánh và Lê Bộ Thượng thư Ngô Tông Châu* được đọc trong lễ truy điệu hai vị công thần của Nguyễn Ánh, hy sinh ở thành Bình Định trong chiến trận chống quân Tây Sơn vào tháng Năm năm Tân Dậu (1801). Một vài nghiên cứu khác liên quan tới Hán học Việt Nam được Henri Maspéro, nhà Hán học lớn, Giáo sư của EFEO, giới thiệu trong *Etude d'histoire d'Annam* [Khảo luận sử nước Nam] số 1 của tập 16 (năm 1916) và số 3 của tập 18 (năm 1918), và trong *Quelques mots annamites d'origine chinoise* [Một số từ tiếng Việt gốc Hán] số 3 của tập 16 (năm 1916).

Một sự kiện đáng chú ý là chương trình sưu tập có quy mô đáng kể do Viễn Đông Bác cổ thực hiện từ năm 1911 tới 1940 để quy tụ và lưu trữ những thạc bản văn khắc có giá trị trên lãnh thổ ba kỳ của Việt Nam trong đó có văn khắc Hán Nôm. Linh mục Léopold Michel Cadière (1869-1955) - nhà Việt Nam học lỗi lạc người Pháp - là người có đóng góp lớn tới chương trình này. Trần Hàm Tấn (1887-1957), một trí thức Nho học, với vị trí chủ quản Ban Nho học của EFEO tại Hà Nội, đã theo sát một chặng dài của chương trình sưu tập bi ký này và có vai trò lớn trong việc biên tập *Inventaire du fonds chinois* [Bảng tra thư tịch Hán văn] của EFEO tại Hà Nội. Hơn hai mươi ngàn thạc bản văn khắc được thực hiện trong chương trình này là di sản vô giá đối với sự nghiệp Việt Nam học nói chung. Đặc biệt đối với chuyên ngành Hán Nôm học, những thạc bản được in rập với kỹ thuật của thái độ trân trọng di sản truyền thống, đã bảo lưu trọn vẹn diện mạo của nhiều bia đá, chuông đồng - những hiện vật đã mất hẳn hoặc tàn khuyết qua thời gian. Tuy vậy, trong sự nghiệp sưu tập văn hóa kéo dài suốt nửa đầu thế kỷ XX, không có một khảo cứu độc lập nào về văn khắc Hán Nôm được BEFEO công bố ngoài một vài thông tin và dữ liệu được thông báo kèm trong nghiên cứu về văn khắc Champa. Thế nhưng, văn khắc Hán Nôm luôn luôn là tư liệu có giá trị và đáng tin cậy đối với các nhà khảo cứu. Hơn 100 năm sau khi ra đời, đến những số phát hành được cập nhật mới nhất trên trang web của BEFEO (<http://www.persee.fr>), những nghiên cứu liên quan tới tư liệu Hán Nôm vẫn được công bố bởi những chuyên gia người Pháp có tiếng về bi ký học Việt Nam như Philippe Papin trong *Aperçu sur le programme "Publication de l'inventaire et du corpus complet des inscriptions sur steles du Việt Nam"* [Khái lược về chương trình "Xuất bản tổng tập thạc bản văn khắc Hán Nôm Việt Nam"] trong số 90-91, tập 90 (năm 2003), về quan hệ thương mại Việt-Trung như Claudine Salmon trong *Opacité du commerce entre Canton et Hué* [Tính mờ ám trong con đường thương mại giữa Quảng Đông và Huế] số 92, tập 92 (năm 2005).

Để thâm nhập, lĩnh hội, chuyển ngữ và khảo cứu các văn bản Hán Nôm với nhiều nội dung khác nhau liên quan tới Việt Nam - một xứ sở quân chủ truyền thống có nhiều khác biệt với truyền thống nước Pháp - chắc rằng quá trình thực hiện của người khảo cứu, của dịch giả đã kéo dài nhiều năm để có thể định cáo và đưa công trình hiện diện trước mắt giới độc giả chuyên môn không

riêng ở Pháp. Từ sự khác biệt văn hóa thúc đẩy sự tìm hiểu và khám phá toàn diện xứ sở mới, có lẽ không ngẫu nhiên khi một trong những nghiên cứu đầu tiên về Việt Nam được người Pháp công bố là văn bản luật pháp. Mở đầu bằng công trình khảo dịch luật Hồng Đức đời Lê sang Pháp văn, diễn tiến của quá trình khai thác giá trị của tư liệu Hán Nôm Việt Nam ở Pháp được kế tục và xiển dương bởi giới khoa học Pháp, trong đó có những học giả mang trong mình dòng máu Việt và nhiều học giả nước ngoài khác gắn bó sâu đậm với Việt Nam.

Thêm những tạp chí, chuyên san đa dạng, đa ngành

Tiếp theo sự ra đời của *BEFEO*, Tập san của Ủy ban Khảo cổ Đông Dương (*Bulletin de la Commission Archéologique de l'Indochine*, viết tắt là *BCAI*) tại Paris được ra đời năm 1908. Trên tập san này, tư liệu Hán văn Việt Nam tiêu biểu được Linh mục Léopold Michel Cadière công bố năm 1912 qua nhà sách E. Leroux là lá thư viết bằng Hán văn vào khoảng năm 1635-1643 của chúa Trịnh Tráng gửi Đức Giáo hoàng, nguyên văn *Une lettre du Roi du Tonkin au Pape*. Mặc dù văn bản bị tàn khuyết, công phu khảo cứu văn bản của Cadière đã cung hiến tới độc giả và học giới những thông tin đáng tin cậy về văn bản ngoại giao cổ xưa này.

Không quá lâu sau đó, *Hội Đô thành hiếu cổ* (Association des Amis du Vieux Hué) được thành lập năm 1913 tại Huế, Chủ tịch danh dự là Hoàng đế Khải Định,^(*) và điều hành chính là những quan chức người Pháp. Tập san của Hội (viết tắt là *BAVH*) được phát hành số đầu tiên năm 1914, trong đó Linh mục Cadière luôn luôn giữ vai trò chủ chốt với sự nhiệt tâm và kiến thức uyên bác về văn hóa Việt Nam. So sánh với tiêu chí của *BEFEO* là xuất bản các công trình khoa học chuyên sâu hướng tới các nhà bác học, *BAVH* xác định giọng điệu phổ thông, hướng tới đối tượng độc giả rộng lớn có ham mê hiểu biết đối với những khám phá mới, những cơ sở tư liệu dân gian hoặc dân tộc học, những phân kỳ nổi bật trong lịch sử Việt Nam. Từ tháng 01 năm 1914 tới tháng 6 năm 1944, *BAVH* phát hành được 123 tập với khoảng 16.000 trang văn bản phong phú tri thức về các dân tộc Việt Nam, gồm cả văn hóa của người Việt và người Champa.

Lớp hậu sinh, có thể kể tới tạp chí *Arts Asiatiques* [Nghệ thuật Á châu] đặc biệt quan tâm nghệ thuật và khảo cứu châu Á, ra đời năm 1924 bởi Bảo tàng Pháp quốc, do EFEO hợp tác với Bảo tàng Guimet và Cernuschi xuất bản. Đến nay, 54 số tạp chí những năm 1962-2005 đã được số hóa trên trang Persée.

Tờ Archipel [Quần đảo] được sáng lập năm 1971 tại Paris, là tạp chí nghiên cứu đa ngành đặc biệt quan tâm tới khoa học xã hội về các quốc đảo Á châu (Indonésie, Malaisie, Philippines, Singapour, Brunei Darussalam). Trong đó, có thể tìm thấy một số khảo cứu về mối liên quan của Việt Nam với các nước có biển, như là vấn đề Việt Nam trong thế giới Mã Lai, hoặc quan hệ Việt-Trung đa phương bởi bối cảnh người Hoa sinh sống và lập nghiệp trên nhiều đảo quốc ngoài Trung Quốc...

* Chủ tịch danh dự của Hội về phía người Pháp có Toàn quyền Đông Dương do ông Van Vollenhoven đại diện, Khâm sứ Trung Kỳ J.L. Charles và Giám đốc Viện Viễn Đông Bác cổ Louis Finot. Chủ tịch danh dự người Việt đầu tiên là vua Duy Tân. Xem Nguyễn Cửu Sà, "Đôi nét về Léopold Cadière và Hội Những người bạn của Huế xưa", *Thông tin Khoa học và Công nghệ*, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế, số 2.1995.



Mousson số 13-14 năm 2009

Ra đời vào năm cuối cùng của thế kỷ XX (1999), tạp chí *Mousson* của IrAsia [Viện Nghiên cứu Á châu] thuộc Đại học Aix-Marseille, do CNRS [Trung tâm Khoa học Quốc gia Pháp] quản lý, quan tâm tới miền đất Đông Nam châu Á (bao gồm cả đảo quốc và lục địa) đồng thời mở rộng tầm nhìn tới văn hóa Ấn Độ và Trung Quốc. Có điểm tương đồng với *BEFEO* ở sự xác định rành mạch phương pháp khảo cứu, *Mousson* chuyên về khoa học nhân văn và xã hội, đặc biệt đề cao tính so sánh và đa ngành của các khoa nhân học, xã hội học và sử hiện đại, thêm nữa rộng cửa xuất bản bài viết bằng Pháp văn và Anh văn. Việt Nam từng là chủ đề chính của *Mousson* số 13-14 năm 2009. Trong đó, thành tựu 20 năm nghiên cứu Việt Nam (1990-2010) đã được học giới Pháp nhìn nhận để bước tiếp.

Nhìn nhận sự đa dạng văn hóa ở xứ sở Đông Dương trong đó có Việt Nam, các tạp chí, tập san nghiên cứu được chính phủ Pháp chủ trương thành lập quan tâm tới nhiều chủ đề: luật pháp, kiến trúc, mỹ thuật, tôn giáo tín ngưỡng, lễ làng... và cả di văn Hán Nôm. Những năm sau này, theo đà phát triển của khoa học công nghệ, các xu hướng và kết quả nghiên cứu tại Pháp và thế giới về xã hội Đông Á đã tìm được phương tiện sinh động và cập nhật hơn nữa để phổ cập tin tức. Đó là các trang web, các blogs có khả năng truyền tin nhanh nhất về các sự kiện liên quan. Tiêu biểu cho xu thế này là trang sổ tay nghiên cứu *Mémoires d'Indochine* [Ký ức Đông Dương] với tên trang điện tử là indomemoires.hypotheses.org được thiết lập với ý nguyện dành tặng các sinh viên và học giới quan tâm tới lịch sử giải thực dân hóa ở ba nước Việt Nam, Laos, Cambodge. François Guillemot - nhà nghiên cứu người Pháp năng động, am hiểu và nhiệt thành với văn hóa Việt Nam - là người điều hành của trang này. Là thành viên của IAO [Viện Nghiên cứu Á Đông] - một đơn vị nghiên cứu trực thuộc Trung tâm Khoa học Quốc gia Pháp (CNRS) ở Lyon, François Guillemot qua cửa sổ điện tử này cung hiến tới người đọc không chỉ tin tức nghiên cứu về xứ sở từng mang tên Đông Dương, mà hơn thế, giúp học giới liên tục quan sát toàn cảnh các xu hướng nghiên cứu Việt Nam trên phạm vi toàn cầu. Theo đó, các kết quả được công bố cũng thể hiện mối quan tâm nhiều mặt của giới nghiên cứu quốc tế về Việt Nam trong tương quan khu vực và thế giới.

Nhà nghiên cứu, Tư liệu nghiên cứu và Cơ sở nghiên cứu: Tính độc lập và tương tác của tư liệu Hán Nôm trong nghiên cứu Việt Nam học

Là một đất nước nhỏ bé trong vùng Đông Nam Á, do số phận lịch sử sắp đặt gần một thế kỷ trở thành thuộc địa của quốc gia lớn mạnh hàng đầu châu Âu, Việt Nam trong thể chế quân chủ và thuộc địa từng là đề tài khảo cứu được quan tâm ở Pháp. Tuy nhiên, sớm hơn đó, từ khoảng năm 1956 trở về trước, dù Việt Nam với ấn tượng từ giai đoạn thuộc Pháp khá hấp dẫn công chúng quốc tế, nhưng khó khăn nhiều mặt từng đã ngăn cản học giới dân thân nghiên cứu xứ sở này.⁽²⁾

Thực tế là vậy, song rồi cũng đến lúc hiện tượng Việt Nam trở thành đề tài được quan tâm ở Pháp. Điều này được kiến tạo trên cơ sở các nguồn tư liệu

về Việt Nam được khám phá, khai thác bởi nhà nghiên cứu và đường hướng phát triển của các cơ sở nghiên cứu khoa học. Chính người trong giới khảo cứu Việt Nam học tại Pháp đã nhận định:

“... cũng cần kể đến những chuyển biến đã diễn ra trong các đơn vị đại học Pháp. Trước hết, các trung tâm khảo cứu có truyền thống quan tâm tới phương Đông là EFEO, EPHE và INALCO đã đạt tới nhiều thay đổi sâu sắc, nhất là vào những năm sau này đang bổ dụng những nhà sử học mong muốn đoạn tuyệt với truyền thống Đông phương. Nguyễn Thế Anh là người khởi đầu hiện tượng này khi tiếp nối Pierre-Bernard Lafont ở EPHE (Ban IV), chủ quản Trung tâm khảo cứu ‘Péninsule Indochinoise’ [Bán đảo Đông Dương]. Là chuyên gia về lịch sử kinh tế Việt Nam giai đoạn thuộc địa cũng như những khảo cứu về triều đại các vua nhà Nguyễn, ông đã biết cách thúc đẩy nhiều nghiên cứu được chú ý và sáng tạo, nhất là những công trình của Christopher E. Goscha, Pascal Bourdeaux và François Guillemot... Khi ông Nguyễn Thế Anh về hưu trí vào năm 2002, Philippe Papin - sau 10 năm sống ở Việt Nam - là người được bổ nhiệm vai trò dẫn dắt nghiên cứu và chủ quản Trung tâm nghiên cứu hỗn hợp EPHE-EFEO ‘Péninsule Indochinoise...’⁽³⁾

Khái lược 20 năm nghiên cứu về Việt Nam tại Pháp trên đây dù chỉ hướng vào một giai đoạn song là giai đoạn đáng kể của chủ đề Việt học. Không những vậy, việc đánh giá cao thành tựu nghiên cứu Việt Nam của 20 năm này còn góp phần tôn vinh sự cống hiến dù nổi bật dù thầm lặng của các chuyên gia ở những thế hệ trước và sau thời điểm này. Các nhà nghiên cứu không chỉ là người Việt quan tâm tới các vấn đề của quê cha đất tổ, họ đến từ những quốc gia nằm cách xa Việt Nam, từ Đức, Australie, Canada, Hoa Kỳ, Anh, Nhật Bản, những xứ sở Bắc Âu, Nga, và không thể thiếu Trung Quốc. Việc liệt kê (chắc chắn không thể đầy đủ) một số tên tuổi trong chuyên môn này có thể trở nên thất thố với cả một đội ngũ nghiên cứu nhiệt thành với chủ đề Việt Nam, bất kể nguồn gốc dân tộc, quan điểm chính trị của mỗi cá nhân. Dù biết vậy, từ giác độ khai thác tư liệu Hán Nôm trong khảo cứu về Việt Nam tại Pháp, không thể không nhắc tới chư vị học giả Hoàng Xuân Hãn (1908-1996), Tạ Trọng Hiệp (1933-1996).

Hoàng Xuân Hãn là học giả Việt Nam sinh hoạt trọn vẹn trong niên hạn của thế kỷ XX, chủ động và linh hoạt tiếp nhận hai dòng văn hóa Việt-Pháp (Á-Âu), đạt tầm vóc lớn với sự hiểu biết thấu đáo nhiều chuyên ngành khoa học khác xa nhau từ kỹ thuật-công nghệ tới nhân văn-xã hội. Trong các nghiên cứu về sử học và tư liệu học Việt Nam đã được công bố của ông, thấy có nét tương đồng với Linh mục Cadière. Hai học giả ở hai thế hệ gặp nhau ở cách thức sử dụng tư liệu cổ xưa nhưng không nệ cổ, vượt lên trên sức hấp dẫn của từng nguồn tư liệu riêng lẻ để hướng tới giá trị chân xác và tầm nhìn văn hóa của sự kiện lịch sử. Trau dồi căn bản và tâm huyết các tri thức toán học, kỹ nghệ cầu đường, nguyên tử, Hoàng Xuân Hãn để lại cho giới nghiên cứu Việt Nam hàng chục công trình khảo cứu về sử học, văn học, văn hóa học, lịch pháp học, thuật ngữ khoa học thuần Việt trong hồn cốt và xác đáng trong phương pháp. Những điều này được thể hiện trong *La Sơn phu tử* (1952. Paris: Minh Tân), *Chinh phụ ngâm bị khảo* (1953. Paris: Minh Tân), *Lịch và lịch Việt Nam* (1982. Paris: Tập san Khoa học xã hội)... và nhiều khảo cứu khác được công bố trong những năm học giả họ Hoàng đã định cư trên đất Pháp. Ấy đều thống nhất trong mạch phong cách khai thác rõ ràng vấn đề và bảo lưu trọn vẹn bản sắc Việt của

ngôn ngữ khảo cứu mà học giả đã sử dụng trong *Lý Thường Kiệt: Lịch sử ngoại giao triều Lý* (1949-1950. Hà Nội: Sông Nhị). 89 năm Hoàng Xuân Hãn tại thế trọn vẹn trong thế kỷ XX bao gồm gần nửa thế kỷ định cư trên đất Pháp cũng là thời đại của nhiều nhà Hán học và Đông phương học danh tiếng của Pháp: Henri Maspéro (1883-1945), Paul Demiéville (1894-1979), Emile Gaspardone (1895-1982), Jacques Gernet (1921-), Léon Vandermeerchs (1928-)... Nếu không làm nổi bật được tính đặc sắc trong văn hóa dân tộc, có thể Việt Nam thời xa xưa chỉ được thiếp liệp chấm phá trong nghiên cứu của giới Hán học như là một tiếp biến của thế giới Hán tự hơn là một nền văn hóa đáng được hưởng vị trí nghiên cứu độc lập trong tương quan khu vực. Theo đó, sẽ khó có thể tồn tại được vị thế của nhà Việt học, nhất là khi di văn Hán Nôm Việt Nam là một trong những nguồn tư liệu nền tảng đối với nghiên cứu của người ấy. Học giả Hoàng Xuân Hãn đã kiên trì tô đậm giá trị Việt Nam trong một nền học thuật ở phương Tây sôi nổi và luôn luôn quan tâm tới văn hóa Trung Quốc.

Tạ Trọng Hiệp là truyền nhân chuyên cần của học giả Hoàng Xuân Hãn trong nghiên cứu Việt Nam trên đất Pháp. So với Hoàng Giáo sư, ông sinh sau 25 năm và tạ thế cùng năm với Thầy. Thành tựu nghiên cứu về Việt Nam tại Pháp của ông khác với đa số nhà nghiên cứu coi trọng ấn phẩm công bố. Đối với người đọc, những gì ông viết phần nhiều in dấu trong những công trình đứng chung tên với nữ học giả người Pháp Claudine Salmon khảo cứu về một số tác giả Việt Nam thế kỷ XIX thực hiện sứ vụ nơi hải đạo là Phan Huy Chú (1782-1840), Lý Văn Phức (1785-1849), Cao Bá Quát (1809-1855). Bên cạnh đó là những khảo sát và khám phá thư tịch cổ có giá trị trong di sản tư liệu của nhà Hán học Paul Demiéville, những phát hiện về nguồn thư tịch Trung Quốc trong trước tác của Lê Quý Đôn giúp học giới Việt Nam được bổ túc trong nhận định về phương diện khảo cứu tác giả lớn này. Thập niên 70 của thế kỷ XX, Tạ Trọng Hiệp góp công lớn thành lập cơ sở nghiên cứu Việt Nam tại Đại học Paris VII. Hai thập niên sau đó, ông là cầu nối cho sự hợp tác hiệu quả giữa Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Việt Nam) với EFEO (Pháp) mà thành tựu đáng kể là bộ sách *Di sản Hán Nôm - Thư mục đề yếu*,⁽⁴⁾ tiết yếu đầy đủ các yếu tố thư mục song ngữ Việt-Pháp của hơn năm ngàn đầu sách Hán Nôm được lưu trữ tại Việt Nam cùng chỉ dẫn các ký hiệu liên quan tại Pháp. Những nội dung liên quan thư tịch Hán Nôm Việt Nam cổ xưa được chính ông khảo sát và phiên dịch Pháp văn góp phần nâng cao giá trị tổng hợp và nhấn mạnh tính hữu dụng của bộ thư mục này đối với học giới ngoài Việt Nam. Trong cuộc đời khảo cứu thâm lặng và thiết thực của mình, Tạ Trọng Hiệp đã có nhiều đóng góp có tính mở đường quan trọng trong việc vận dụng tư liệu Hán Nôm vào nghiên cứu văn học, sử học tại Pháp. Nếu chỉ dựa vào tiêu chí ấn phẩm để đánh giá, thì không thể nhìn nhận toàn diện giá trị khoa học trong đời khảo cứu của ông. Chi bằng, nhắc lại một nhận xét mà đồng nghiệp người Pháp am hiểu Hán học của Tạ Trọng Hiệp đã cảm nhận về ông:

“Về phần mình, chúng tôi muốn được nhớ về ông như là một trong số những *tân nhân* - người phiêu lãng trong thế giới Hán văn - với cách hiểu của Lục Quy Mông⁽⁵⁾ đời Đường - rằng đó là số người cự tuyệt những hệ lụy quá đà trong đời thực, những mớ bong bóng rối ren, để bảo lưu khoảng cách và tự do của họ.”⁽⁶⁾

Kết quả đạt được về Việt học của hai trong số nhà nghiên cứu Việt Nam tại Pháp am hiểu tư liệu Hán Nôm không chỉ phản ảnh cách thức sử dụng nguồn tư liệu này trong nghiên cứu.

Từ Pháp nhìn về Việt Nam, tư liệu Hán Nôm với địa vị của một nguồn dữ liệu khảo cứu có giá trị, thường được biết tới với phong châu bản triều Nguyễn và các tư liệu hành chính trong Lưu trữ quốc gia, các phong thư tịch và thạc bản văn khắc ở Hà Nội và nhiều tỉnh thành quốc nội (từ thư khố của EFEO thừa ban đầu tới thư viện Viện Khoa học Xã hội, thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, tàng bản được lưu truyền qua nhiều thế hệ trong các tư gia...). Tại Pháp, ở thư viện EFEO ở Paris, microfilms của một số bản gốc thư tịch Hán Nôm vốn nằm ở Việt Nam là nguồn tham khảo nghiên cứu hấp dẫn. Tại Thư viện Quốc gia ở Paris (viết tắt BNF), tư liệu liên quan tới Việt Nam gồm ba loại ký hiệu: Annamite A gồm các văn bản chữ Hán, Annamite B gồm các văn bản chữ Nôm, Annamite C gồm các văn bản chữ Quốc ngữ. Trong đó bộ phận Annamite A gồm 90 ký hiệu từ A.1 đến A.90, bộ phận Annamite B gồm 108 ký hiệu từ B.1 đến B.108. Cũng ở Paris, tại Thư viện Hiệp hội Á châu, có hai nguồn thư tịch Hán Nôm được hình thành bởi hai nhà Hán học xuất sắc: ký hiệu HM tức nguồn thư tịch có được do công lao sưu tập của Henri Maspéro và ký hiệu PD tức nguồn thư tịch do Paul Demiéville (1894-1979) cung hiến. Các thư khố của Trường Sinh ngữ Phương Đông (INALCO, Paris), Hội Thừa sai Paris (MEP, Paris)... và nhiều nơi khác trên lãnh thổ Pháp cũng được đề cập về triển vọng cung hiến vào nghiên cứu lịch sử Việt Nam của nguồn tư liệu Hán Nôm. Sự xuất hiện ngày một nhiều các trang mạng (sites web) của một số tổ chức này cho phép đọc giả từ xa nhận thức ít nhiều về sự tồn tại của những tư liệu như thế.

Với tư cách là một phương tiện biểu đạt diện mạo Việt Nam trong một chặng dài lịch sử, tư liệu Hán Nôm luôn luôn được đặt trong phối cảnh với nhiều nguồn tư liệu khác ở trong và ngoài nước, gồm cả các quốc gia liên quan tới Việt Nam. Ở ngoài nước, các nguồn tư liệu Hán Nôm trong khi được trân trọng về giá trị song để khảo cứu cũng luôn luôn được kết hợp với những nguồn tư liệu quý khác về Việt Nam được lưu trữ ở nhiều quốc gia. Sự khai thác tư liệu Hán Nôm được kết hợp với tri thức của nhiều chuyên ngành khác nhau với mục đích hướng tới những kết quả giải mã gần nhất với sự thực lịch sử.

Từ quan điểm nỗ lực phối hợp chặt chẽ càng nhiều nguồn tư liệu càng có khả năng nhận thức chính xác diện mạo lịch sử, thập niên 90 của thế kỷ XX là thời điểm nghiên cứu Việt Nam tiếp tục trở nên sôi động. Tháng 5 năm 1995, Hội thảo quốc tế Euro-Việt được tổ chức tại Aix-en-Provence (Pháp) với chủ đề chung *Sources et Approches du Vietnam* [Tư liệu nguồn và hướng tiếp cận về Việt Nam], thu hút tới hơn 200 nhà khoa học đến từ nhiều quốc gia khác nhau, cùng đóng góp những cách thức đa dạng hơn, mới mẻ hơn trong nghiên cứu Việt Nam. Trong hội thảo này, những nghiên cứu đề cập tới nguồn tư liệu Hán Nôm được đánh giá cao. Đó là định hướng nghiên cứu được Giáo sư Nguyễn Thế Anh (Pháp) chủ trương từ rất sớm, kết hợp chính sử Việt Nam thời quân chủ cùng các nguồn tư liệu Hán Nôm khác với tài liệu lưu trữ hải ngoại của chính phủ Pháp. Đó còn là hướng nghiên cứu sử Việt từ nguồn tư liệu châu bản triều Nguyễn mà nhà nghiên cứu Nhật Bản là Yoshiharu Tsuboi thực hiện và xác nhận là được hưởng gợi ý từ Giáo sư Nguyễn Thế Anh. Cũng trong hội thảo này, nhà nghiên cứu Philippe Papin đã trình bày hướng nghiên cứu về kinh tế-xã hội Việt Nam thời quân chủ trong làng xã Bắc Bộ dựa trên nguồn tư liệu văn khắc Hán Nôm phong phú và đa dạng. Từ sau Philippe Papin, dường như rất hiếm nghiên cứu nào tại Pháp tiếp nối hướng đi này.

Có vẻ không xuất thân từ giới nghiên cứu khoa học nhân văn và xã hội ở cả Việt Nam và Pháp nhưng quan tâm sâu sắc tới vấn đề biên giới lãnh thổ Việt-Trung, năm 2005, tại miền Nam nước Pháp, ông Nhân Tuấn Ngô Quốc Dũng đã cho xuất bản cuốn *Biên giới Việt-Trung 1885-2000, Lịch sử thành hình và những tranh chấp*.⁽⁷⁾ Đây là kết quả của nhiều năm khảo cứu thư khố đồ bản và những tư liệu khác liên quan tới Việt Nam tại Văn khố hải ngoại của Pháp, trong đó có nhiều bản đồ được thuyết minh bằng văn tự Hán Nôm.

Thực tế qua các ấn phẩm nghiên cứu liên quan tới Việt Nam được công bố và lưu hành tại Pháp cho thấy đặc điểm tất yếu của học giới quốc tế là tính tham khảo và giao lưu học thuật mạnh mẽ. Dù là nguồn tư liệu Hán Nôm hoặc bất cứ nguồn tư liệu đặc thù của một dân tộc, quốc gia nào khác, việc giải mã văn bản cổ xưa chỉ là một mắt xích trong quá trình nghiên cứu để giải đáp những câu hỏi từ hiện tại. Những nỗ lực kiến giải tư liệu cổ hường tới nhận thức chân xác về lịch sử tựu chung là để chất lọc những giá trị hữu ích cho hiện tại và tương lai. Mỗi giai đoạn, thực tiễn có những yêu cầu nổi bật tác động tới khuynh hướng triển khai chủ đề nghiên cứu.

Với góc nhìn của người đứng ngoài lãnh thổ Việt Nam song không bàng quan với sự kiện lịch sử, nhiều nghiên cứu sử học từ nước ngoài góp phần rất lớn đưa tới những nhận thức mới, đa dạng, gần với khách quan về bản chất của các sự kiện lịch sử trong những thế kỷ đã qua.

Tư liệu Hán Nôm trong Văn khố hải ngoại: khai thác một nguồn tư liệu cũ nhiều triển vọng

Tư liệu Hán Nôm ở Việt Nam thường được người đọc biết tới qua những thư tịch với nhiều niên đại khác nhau tại trung tâm hàng đầu về bảo quản thư tịch và tài liệu Hán Nôm là Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Hà Nội), tại văn khố lớn về tư liệu hành chính thời nhà Nguyễn và giai đoạn thuộc Pháp là Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I (Hà Nội), cũng như một số kho tài liệu khác như Thư viện Quốc gia Việt Nam (Hà Nội) và những văn khố tư gia trên cả nước...

Ngoài Việt Nam, có không ít tư liệu Hán Nôm tồn tại trong các trung tâm lưu trữ, các thư viện ở nhiều quốc gia trên thế giới. Đặt trong so sánh với nguồn tài liệu Hán Nôm trong nước được biết tới nhiều hơn như văn khắc trên đá, trên đồng, thư tịch trên giấy dó, giấy tây bao gồm chính sử (sử nước), dã sử (sử dân gian), lư sử (sử làng), các thi tập, văn tập, các khảo cứu về kinh tế, tôn giáo..., tư liệu Hán Nôm ở nước ngoài (Nhật, Anh, Pháp, Vatican, Mỹ...) hứa hẹn khả năng trùng hợp hoặc khác biệt về nội dung tư liệu, cùng quan điểm hoặc khác biệt cách nhìn xét từ vị trí chủ thể biên soạn tư liệu.

Trong số đó, Văn khố hải ngoại của Cộng hòa Pháp hiện tại được đặt ở Aix-en-Provence là một trong những trung tâm lưu trữ tư liệu có sức hấp dẫn giới nghiên cứu và nhiều tầng lớp khác, đặc biệt khi muốn tìm hiểu về quá khứ đa diện mà chính phủ Pháp đã từng áp đặt tại nhiều vùng đất trên thế giới. Trong văn khố, tư liệu về Việt Nam với vị thế là một xứ thuộc địa của Pháp từ cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX, được lưu trữ trong nhiều phong khác nhau với tên gọi "Indochine". Đằng sau cánh cửa "Indochine" này là lịch sử bộn bề của xứ Đông Dương thuộc Pháp mà Việt Nam là một phần lớn trong đó. Lăn theo tư liệu trong các phong Indochine, có thể quan sát biến động của Việt Nam thừa ấy qua nhiều phương diện.

Tuy nhiên, do đặc thù về chữ viết, nguồn tư liệu liên quan tới Việt Nam được soạn bằng văn tự Hán Nôm gần như chưa được sử dụng một cách hệ thống trong nghiên cứu, ngoại trừ số tư liệu châu bản đã được sử dụng trong các nghiên cứu mẫu mực của Giáo sư Nguyễn Thế Anh⁽⁸⁾ và một thống kê thăm dò của Phó Giáo sư Trần Nghĩa về nguồn tư liệu này.⁽⁹⁾

Từ năm 2013, tư liệu Hán Nôm trong Văn khố hải ngoại này với hơn mười ngàn trang thuộc về hơn 3.100 văn bản, chủ yếu nội dung thuộc vào các vấn đề giai đoạn Việt Nam thuộc Pháp (1858-1945) được phát lộ và công bố từng phần.⁽¹⁰⁾

Cũng như phần lớn tư liệu hiện được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Hà Nội, Việt Nam), ngoài một số ít tư liệu được viết bằng bút sắt trên giấy tây, còn lại được viết bằng bút lông trên giấy dó. Đa số tư liệu còn giữ được hiện trạng tốt, giấy dó bền, nét mực sắc giúp dễ đọc. Tuy nhiên, tình trạng xấu của một số văn bản như giấy mủn nát gây khó khăn khi nhận biết nội dung văn bản.

Về vị trí tư liệu Hán Nôm trong Văn khố, đúng như chỉ dẫn của những người phụ trách phòng Đông Dương tại đây, tư liệu Hán Nôm có thể nằm ở khắp nơi. Dưới cái nhãn “Indochine”, có thể tìm thấy những tư liệu trong phong GGI, Amiraux, RST, RSA, FM,... Đó là chưa kể kho đồ bản với nhiều tấm bản đồ được họa hình rất đẹp, trên đó nổi bật các địa danh được ghi chú bằng văn tự Hán Nôm.

Về thời gian, niên đại thường gặp trong các văn bản trải dài từ cuối thập niên 60 của thế kỷ XIX sang tới đầu thập niên 30 của thế kỷ XX, tương ứng với các niên hiệu chính thống của vương triều Nguyễn là Tự Đức, Hàm Nghi nguyên niên (1885), Đồng Khánh, Thành Thái, Duy Tân, Khải Định. Ngoài ra tuy hiếm nhưng cũng tìm thấy một vài văn bản có niên hiệu Kiến Phúc nguyên niên (1883) và Bảo Đại (một vài năm đầu của niên hiệu). Trong tổng thể các hồ sơ có chứa tư liệu Hán-Nôm, về khác biệt giữa văn tự tượng hình so với chữ Pháp văn hay chữ Quốc ngữ Việt văn chỉ ở hình thức. Về nội dung, sự góp mặt của các văn bản Hán Nôm thêm phần củng cố tính xác thực mà người Việt Nam gọi là “nói có sách mách có chứng” cho nhiều hồ sơ của phía chính phủ Pháp, tiêu biểu là những hồ sơ về lực lượng chống đối mà nhà cầm quyền thường gọi là giặc cướp, hay là hồ sơ về dư luận xã hội đối với vấn đề nào đó có tính quốc gia. Tư liệu Hán Nôm thường gặp trong Văn khố là công văn, báo cáo và các văn bản hành chính khác giữa các cấp chính phủ Nam triều và với các cấp chính phủ bảo hộ Pháp. Cũng có nhiều văn bản được soạn bởi các tầng lớp dân chúng từ các địa phương. Các văn bản Hán Nôm này được lưu trữ có trình tự về thời gian, về địa phương, về vấn đề. Kết hợp với những điện tín, điện báo, báo cáo phân tích, thông tư, thông cáo... của các cấp quan chức bảo hộ Pháp, chúng tạo thành những đơn vị hồ sơ có khả năng cung cấp đa dạng. Với những tập hợp hồ sơ như thế, tự thân tư liệu đã có thể cung hiến cho người đọc nhận định tương đối hợp lý về một chủ đề nào đó.

Kể từ nửa sau thế kỷ XIX, Việt Nam từng bước chấp nhận thể chế bảo hộ của chính phủ Pháp với mức độ khác nhau trên một lãnh thổ bị chia thành ba kỳ Bắc-Trung-Nam. Nội dung chủ đạo của tư liệu Hán Nôm trong Văn khố hải ngoại không nằm ngoài mối quan hệ Việt-Pháp ở các cấp: chính phủ với chính

phủ, địa phương với trung ương, dân với quan chức, người Việt với người Pháp. Tuy nhiên, thực tế ở Việt Nam không chỉ đơn giản là những mối quan hệ song phương tách bạch như thế. Về khái lược, có một số nội dung chủ đạo được phản ánh qua tư liệu Hán Nôm trong Văn khố hải ngoại (Pháp):



Một trang bản thảo Hán Nôm vốn nằm tại đền thờ Thiên-Y (Bình Thuận). (ANOM: fonds_SALLET⁽¹¹⁾_MS 305)

Về quan hệ Việt-Pháp và các quốc gia khác, tổng quan cho thấy trong mối bang giao Việt-Pháp, việc ký kết các hiệp ước Pháp-Việt và những bước thực thi sau đó chiếm một phần lớn nội dung tư liệu. Trong đó, giao thiệp Việt-Pháp trải qua nhiều cung bậc cảm xúc đối lập: ấm-lạnh, mặn-nhạt, cứng-rắn-mềm-dẻo, cởi-mở-dè-chùng, và những khác biệt trong quan niệm đối với nhiều sự việc cụ thể. Song như đã nói, trên một trục chính là bang giao Việt-Pháp, Việt Nam thời ấy còn có quan hệ với những quốc gia khác, như với Tây Ban Nha, Xiêm La, Cambodge... Với Tây Ban Nha, quan hệ ngoại giao và thương mại nằm trong các điều khoản mà Nam triều đã ký với chính phủ Pháp. Các văn bản Hán Nôm được soạn dưới triều vua Tự Đức vào năm 1877, 1881 chứng thực điều này. Với Xiêm La, tư liệu liên quan đến quốc thư của Tự Đức và vua Xiêm những năm 1880, 1882 cho biết phần nào quan hệ hai nước trong cái bóng ảnh hưởng của Pháp. Và không thể không kể đến mối quan hệ Việt-Trung với vai trò không nhỏ của Pháp.

Về yếu tố Trung Quốc trong quan hệ Việt-Pháp, là láng giềng của nhau, động tĩnh trong mọi phương diện của Việt Nam-Trung Quốc đều được hai nhà nước quan tâm. Trong đó, vấn đề an ninh biên giới lãnh thổ Việt-Trung luôn luôn được người cầm quyền hai bên đặt ra. Điều này không thay đổi trong đường lối chung kể cả khi Việt Nam là thuộc địa của Pháp, dẫn tới việc đại diện chính phủ Pháp ở Đông Dương có thẩm quyền ký kết với triều đình Trung Quốc những vấn đề vốn thuộc về Việt Nam. Với Trung Quốc, tuy luôn tự nhận là nước lớn song cũng không thể coi thường sức mạnh ưu việt của Pháp. Vì thế, vấn đề lãnh thổ Việt Nam biến động theo từng bước tiến của sức mạnh Pháp được triều đình nhà Thanh theo dõi sát sao để có đối sách kịp thời. Ngoài ra, trong quan hệ

kinh tế của cộng đồng người Hoa làm ăn tại Việt Nam, tất yếu không tránh khỏi những cạnh tranh, những gây hấn, những sự không hài lòng giữa nội bộ người Hoa cũng như trong quan hệ giữa người dân Việt với Hoa kiều.

Về diện mạo kinh tế Việt Nam, tư liệu Hán Nôm trong Văn khố nếu tách biệt lập sẽ phản ánh không toàn diện tình trạng kinh tế của Việt Nam trong khoảng tám thập niên chính thức thuộc Pháp. Song sự điểm xuyết của những tư liệu này, dù được phát ra từ bất kỳ cấp nào của một chính phủ Nam triều thường xuyên phải ưu tư về kinh tế, hoặc của chính người dân lăn lộn kiếm sống thì trở thành chứng cứ thiết thực. Không thể phủ nhận các hoạt động thương mại của Hoa kiều trên lãnh thổ Việt Nam đã trở thành một phần của bức tranh kinh tế quốc gia. Bên cạnh đó, tư liệu còn cho thấy các vấn đề tiền tệ, thuế, nông nghiệp, một số ngành nghề khác. Một tập hợp các đơn từ tố cáo, kêu oan, đề đạt... của người dân khắp ba kỳ, thư của người Việt làm lính thợ ở Pháp cũng đáng là một nguồn tư liệu bổ sung vào diện mạo kinh tế và xã hội Việt Nam những năm thuộc Pháp ấy.

Là những phác thảo về văn hóa-xã hội Việt Nam giai đoạn thuộc Pháp, trong Văn khố đôi khi xuất hiện trước tác của những tác giả ở nhiều tầng lớp khác nhau trong xã hội, phản ánh thực tế đa dạng, nhiều mâu thuẫn trong đời sống tinh thần và vật chất của người dân Việt Nam đương thời.

Liên quan tới đạo Thiên chúa trong môi trường Việt Nam, tư liệu Hán Nôm trong Văn khố góp phần khẳng định một thực tế đã qua là Thiên chúa giáo cho đến cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX ở nhiều địa phương Việt Nam vẫn gặp phải sự kỳ thị không nhỏ từ đồng bào vốn quen thờ Phật, cúng gia tiên. Mức độ hạn chế trong việc tiếp nhận tôn giáo ngoại lai cũng có khác nhau trên ba kỳ Bắc-Trung-Nam. Một trong những nguyên nhân hàng đầu thường được chỉ ra là chế độ trực trị của người Pháp tại Nam Kỳ. Điều này cũng có thể tạo nên một đôi nét khác biệt trong việc sử dụng văn tự Hán Nôm giữa các vùng miền.

Về thực tế sử dụng văn tự Hán Nôm của người Việt Nam tại ba kỳ, bước đầu nhận thấy có sự khác nhau về tần suất sử dụng chữ Hán Nôm để biên soạn văn bản. Vẫn tìm thấy những đơn từ được viết bằng văn tự Hán Nôm mà người dân các tỉnh Nam Kỳ sử dụng song đây chỉ là số ít nếu so sánh với tỷ lệ đơn từ sử dụng văn tự Hán Nôm của người dân các tỉnh Bắc và Trung Kỳ. Thêm nữa, dù có viết bằng văn tự truyền thống, người dân Nam Kỳ cũng không sử dụng niên hiệu của bất cứ vị vua Nam triều nào; để ghi thời gian, họ sử dụng năm can chi. Các hồ sơ GGI-10797, 10805, 10806 và một số hồ sơ nói trên cho thấy điều này. Nguyên nhân được nghĩ tới đầu tiên để lý giải hiện tượng này, đương nhiên bởi Nam Kỳ là xứ trực trị của người Pháp. Trong hồ sơ GGI-11462, đại thần Lãnh sự của Nam triều tại Sài Gòn gửi thư tới Bộ trưởng Bộ Nội vụ Pháp, trong thư có nhắc "*... trong luật quý quốc có viết: phàm những người nước Nam chúng tôi sinh trưởng định cư tại Nam Kỳ thì là người Pháp...*".⁽¹²⁾ Dù sao, vẫn còn mở ngỏ khả năng tìm được nhiều hơn nữa tư liệu Hán Nôm trong Văn khố hải ngoại. Vì vậy, nhận xét về việc người dân Nam Kỳ sử dụng văn tự Hán Nôm vào cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX chỉ là một ý tưởng chưa thể khẳng định.

Một trong những nội dung nổi trội trong tư liệu Văn khố là đặc điểm phản kháng của người Việt và những phong trào chống đối nhà cầm quyền đương thời, bao gồm cả Nam triều và chính phủ Pháp. Một số lượng không nhỏ tư

liệu ở trong Văn khố có nội dung liên quan đến những xu hướng, những phong trào và những nhân vật chống đối nhà cầm quyền, phản kháng đường lối thỏa hiệp của Nam triều, phản đối sự can thiệp của người Pháp vào Việt Nam. Bên cạnh đó cũng có những hồ sơ cho thấy các biện pháp mà chính phủ Nam triều và Pháp đối phó, xử lý với những người chống đối. Đó có thể là những công văn về tình hình hoạt động của lực lượng chống đối ở khắp các địa phương Bắc-Trung-Nam. Cũng có những thư từ về chí hướng yêu nước, kế sách chống ngoại bang của nhân sĩ trí thức theo chủ trương kháng chiến. Giữa người chống đối với quan chức Pháp và Nam triều cũng có những văn bản trao đổi, kẻ kêu gọi đầu thú, người đặt điều kiện để chấp nhận chiêu hồi. Sự nở rộ các phong trào người Việt chống đối chính quyền có khi cũng gây tác động nhiều chiều. Chiều dễ nhận thấy là việc gây cản trở, tạo khó khăn, thiệt hại cho tham vọng xâm chiếm lãnh thổ của người Pháp. Song nhìn từ phía người dân, các hoạt động chống chính quyền cũng gây nhiều bất an, bất ổn triền miên cho đời sống dân lành. Tư liệu từ các văn khố Toàn quyền Đông Dương (GGI), Tòa Công sứ Bắc Kỳ (RST phong cũ và phong mới) ghi nhận nhiều đơn từ bẩm báo, kêu cứu của dân lành về nạn cướp đột nhập cướp của, bắt người, thậm chí giết người. Có thể nói, số phận của người dân Việt trong giai đoạn Đông Dương thuộc Pháp chính là nội dung bao trùm trên tập hợp tư liệu này.

Phản ánh ở mức độ khác nhau các diễn biến lịch sử, các bộ phận tư liệu đều có giá trị nhất định. Sự đối chiếu và kết hợp các nguồn tư liệu sẽ đáng kể hơn với mục tiêu hướng tới cái nhìn chân xác nhất có thể về sự kiện lịch sử. Đó là cách sử dụng tư liệu nói chung, tư liệu Hán Nôm nói riêng trong sự tiếp nhận của giới khảo cứu khoa học ở Pháp. Không tôn vinh hay đề cao thái quá riêng một nguồn tư liệu nào sẽ hạn chế được nhiều định kiến về lịch sử. Các kết quả khảo cứu chân xác là cơ sở khoa học có khả năng tác động tới giới cầm quyền, hướng tới sự ban hành và thực thi các chính sách hợp lý về quân sự, tôn giáo, hành chính, kinh tế, văn hóa... Trong thực tế, chặng đường nghiên cứu về Việt Nam tại Pháp trải qua những cung bậc thăng trầm khác nhau tùy theo các nhân tố cấu thành, trong đó phải kể đến sự phát triển hoặc thiếu vắng nhân sự trong đội ngũ khảo cứu cổ học Việt Nam, cũng như không thể không công nhận cảm hứng nhiều hơn của giới chuyên môn tới các vấn đề cận đại và đương đại của Việt Nam. Tuy nhiên, nằm trong mối quan tâm tới “môi trường Hán văn” bao gồm các quốc gia Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam và các đảo quốc khác bên cạnh Trung Quốc, nguồn tư liệu Hán Nôm Việt Nam nếu được khai thác sâu sắc để đáp ứng đòi hỏi của thực tế, sẽ không bị chìm lấp mãi trong cái vỏ bọc niên đại xưa cũ của nó.

V A

CHÚ THÍCH

- (1) Tr. 1-173.
- (2) Để có một cái nhìn hệ thống về diễn tiến Việt học trên thế giới nói chung và ở Pháp nói riêng, xin xem Nguyễn Thế Anh, “Quelques remarques sur l'état des études historiques sur le Vietnam” trong *Approches-Asie*, số 15 (1997), tr. 3-15.
- (3) “...il faut aussi prendre en compte les transformations ayant eu lieu dans les établissements universitaires français. Tout d'abord, les centres traditionnels de l'orientalisme qu'étaient l'EFEQ, l'EPHE et l'INALCO ont connu de profondes transformations, notamment ces dernières

années en recrutant des historiens qui souhaitaient rompre avec la tradition orientaliste. Nguyễn Thế Anh a amorcé le phénomène en succédant à Pierre-Bernard Lafont à l'EPHE (IVE Section), en prenant la direction du Laboratoire 'Péninsule Indochinoise'. Spécialiste d'histoire économique du Viet Nam en situation coloniale et ses travaux sur la dynastie des Nguyễn, il a su impulser des travaux remarquables et novateurs, notamment ceux de Christopher E. Goscha, Pascal Bourdeaux et de François Guillemot... Lorsque Nguyễn Thế Anh prit sa retraite en 2002, c'est Philippe Papin qui, après dix ans passés au Viet Nam, fut élu à la direction d'études et du laboratoire mixte EPHE-EFEO 'Péninsule Indochinoise'...

Nguyễn Văn tiếng Pháp của Christian Culas và Jean-François Klein viết chung trong "Introduction: Vint ans de recherches sur le Viet Nam (1990-2010)" ["Đã nhập: Hai mươi năm nghiên cứu về Việt Nam"], *Moussons* 13-14 (2009), số đặc biệt "Vietnam, Histoire et Perspectives Contemporaines" ["Việt Nam, Lịch sử và Triển vọng hiện đại"], tr. 10-11.

- (4) Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
- (5) Lục Quy Mông (?-881), người đời Đường (Trung Quốc), từng làm tới chức Ngự sử. Ông tự hiệu là Giang hồ tản nhân, là một thi nhân đời Văn Đường rất được hậu sinh mến mộ. Lục Quy Mông chọn sống ẩn dật, hưởng thụ đời nhàn tản gần gũi thiên nhiên thôn dã.
- (6) "Nous préférons, quant à nous, nous souvenir de lui comme de l'un de ces **sanren** 散人 du monde chinois - au sens où l'entendait Lu Guimeng 陸龜蒙 des Tang - qui refusent de trop s'impliquer dans le monde réel, de trop être en prise, pour mieux garder leur distance et leur liberté". Claudine Salmon, "Tạ Trọng Hiệp (1933-1996)", *BEFEO*, tập 84, 1997, tr. 69.
- (7) Marseille: Dũng Châu xuất bản.
- (8) Nguyễn Thế Anh, "Les sources pour l'histoire économique du Việt-Nam au XIX^e siècle", trong *Việt Nam Sources et Approche*. Aix-en-Provence: l'Université de Provence, 1996, tr. 49-59: "... c'est que des pièces éparses de Châu bản peuvent être trouvées au Centre des Archives d'Outre-Mer d'Aix-en-Provence, éparpillées dans des dossiers se rapportant à la Cour de Huế, surtout pour les règnes postérieurs à celui de Tự Đức." ["... đó là những phần tản mát của Châu bản có thể được tìm thấy nơi Văn khố hải ngoại tại Aix-en-Provence, nằm rải rác trong những hồ sơ liên quan tới Chính phủ Nam triều, nhất là những triều đại kế vị đức vua Tự Đức."]
- (9) Trần Nghĩa và François Gros chủ biên, "Đề dẫn", trong *Di sản Hán Nôm Việt Nam - thư mục đề yếu*, tập I, Hà Nội: Khoa học Xã hội, 1993, tr. 15-47: "Tại Kho lưu trữ Quốc gia, bộ phận Hải ngoại ở Aix-en-Provence thuộc miền Nam nước Pháp... bước đầu tìm thấy khoảng 300 văn bản Hán Nôm trong 12 tập hồ sơ thuộc triều Thành Thái (1889-1907) và 1 tập hồ sơ thuộc triều Duy Tân (1907-1916)."
- (10) Xem Cao Việt Anh:
 - *Documents en caractères sino-vietnamiens aux Archives nationales d'outre-mer (France): Une source riche en vestiges de l'histoire du Việt Nam à l'époque coloniale (1875-1945)* [Tư liệu Hán Nôm trong Văn khố hải ngoại (Pháp): Theo dấu một nguồn tư liệu phong phú về lịch sử Việt Nam giai đoạn thuộc địa]. Nghiên cứu sau tiến sĩ (FMSH-WP-2015-93.2013 <halshs-01144632>).
 - Hội thảo "Châu bản triều Nguyễn - tiềm năng di sản tư liệu", Hà Nội, 8/2013.
 - Tạp chí *Hán Nôm*, số 2 (123) năm 2014; số 5 (126) năm 2014...
- (11) Albert Sallet (1877-1948): nhà y học, nhà Việt Nam học người Pháp. Ông là một trong những thành viên sáng lập Association des Amis du vieux Huế.
- (12) V A dịch.

THƯ MỤC THAM KHẢO (trích yếu)

Bản thảo:

1. Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Hà Nội, Việt Nam)
2. Văn khố Đò đốc và Toàn quyền Đông Dương - GGI (Văn khố hải ngoại - ANOM, Pháp)
3. Văn khố Thống sứ Bắc Kỳ - RST (ANOM, Pháp)
4. Văn khố Khâm sứ Trung Kỳ - RSA (ANOM, Pháp)
5. Văn khố Nội các - FM (ANOM, Pháp)

Ấn phẩm:

1. Charles B. Maybon (1910), "Note sur les travaux bibliographiques concernant l'Indochine française", *BEFEO*, tập 10, tr. 409-421.
2. Chantal Descours-Gatin và Hugues Villiers (1983), *Guide de recherches sur le Vietnam: Bibliographie, archives et bibliothèques de France*, Paris: L'Harmattan.
3. Trần Nghĩa và François Gros chủ biên (1993), *Di sản Hán Nôm Việt Nam - thư mục đề yếu*, Hà Nội: Khoa học Xã hội.
4. Catherine Clémentin-Ojha và Pierre-Yves Manguin (2001), *Un siècle pour l'Asie: L'École française d'Extrême-Orient, 1898-2000*, Paris: EFEO.
5. Nguyễn Thế Anh (2008), *Parcours d'un historien du Việt Nam* [Hành trình của một sử gia về Việt Nam], Paris: Les Indes Savantes.
6. Thư viện Văn khố hải ngoại (ANOM, Pháp).
7. Cao Việt Anh (2015), *Documents en caractères sino-vietnamiens aux Archives nationales d'outre-mer (France): Une source riche en vestiges de l'histoire du Việt Nam à l'époque coloniale (1875-1945)*. [Tư liệu Hán Nôm ở Văn khố hải ngoại (Pháp): dấu tích của một nguồn sử liệu phong phú về lịch sử Việt Nam giai đoạn thuộc Pháp (1875-1945)], FMSH-WP-2015-93. 2013. <halshs-01144632>. <https://hal.inria.fr/halshs-01144632/document>

Các web sites:

1. **ANOM:** <http://www.archivesnationales.culture.gouv.fr/anom/fr>
2. **Archipel:** <http://www.revue-archipel.fr>
3. **BEFEO:** www.efeo.fr
4. <http://indomemoires.hypotheses.org>
5. **MEP:** www.mepasie.org
6. **Moussons:** <http://moussons.revues.org>
7. *Persee.fr*

TÓM TẮT

Là quốc gia phương Tây đầu tiên áp đặt thiết chế hành chính của mình tại Việt Nam, nước Pháp cũng là quốc gia phương Tây đầu tiên thành lập cơ quan khảo cứu khoa học về Việt Nam. Trong lịch sử hơn 100 năm Việt Nam học của Pháp, khai thác tư liệu Hán Nôm Việt Nam là một hướng tiếp cận trong nghiên cứu đa ngành của người Pháp về văn hóa Việt Nam. Bài viết là một góc nhìn về vị trí của tư liệu Hán Nôm trong toàn cảnh nghiên cứu khoa học nhân văn và xã hội của Pháp về Việt Nam. Bài viết gồm ba phần cơ bản:

Chuyên san khảo cứu - một khởi nguồn nghiên cứu Việt Nam của Pháp; Nhà nghiên cứu, Tư liệu nghiên cứu và Cơ sở nghiên cứu: Tính độc lập và tương tác của tư liệu Hán Nôm trong nghiên cứu Việt Nam học; Tư liệu Hán Nôm trong Văn khố hải ngoại: khai thác một nguồn tư liệu cũ nhiều triển vọng.

ABSTRACT

FRENCH'S STUDIES ON VIETNAM: A VIEW FROM SINO-NÔM DOCUMENTS

As the first Western country to impose its administrative institutions in Vietnam, France was also the first to establish scientific research agencies in Vietnam. In more than 100 year history of Vietnamese studies, the French exploited Sino-Nôm documents as an approach in interdisciplinary studies about Vietnamese culture. The article presents a perspective on the position of Sino-Nôm documents in the overall picture of the French's human and social studies on Vietnam, including three basic parts:

Research Magazines - the beginning of French's studies on Vietnam; Researchers, research materials and research basis: The independence and interaction of Sino-Nôm documents in research of Vietnamese studies; Sino-Nôm documents in overseas archives: a promising solution for the exploitation of old documentary resources.